

Số: /TT- SKHCN

Trà Vinh, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương giai đoạn 2018 - 2020

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 67/2009/NĐ-CP ngày 03/8/2009 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 30/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 10/9/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc Quy định về xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 06/09/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định về định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Trà Vinh;

Để đáp ứng nhu cầu quản lý đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình đặc thù và yêu cầu cụ thể về môi trường, điều kiện phát triển khoa học và công nghệ, quản lý của tỉnh. Sở Khoa học và Công nghệ đã dự thảo Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 – 2020 lấy ý kiến của các Sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã và thành phố để hoàn thiện hồ sơ. Nay, Sở Khoa học và Công nghệ kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh, hồ sơ gồm:

- Dự thảo Quyết định phê duyệt kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 – 2020;

- Kế hoạch chi tiết (ban hành kèm theo Dự thảo Quyết định).

- Báo cáo tổng hợp ý kiến của các Sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã và thành phố về các văn bản dự thảo Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương giai đoạn 2018-2020;

Sở Khoa học và Công nghệ kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 – 2020./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- BGĐ Sở KHCN;
- Chi cục TĐC;
- Lưu: VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Văn Hùng

Số: /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật
địa phương tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Nghị định số 67/2009/NĐ-CP ngày 03/8/2009 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 30/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 10/9/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc Quy định về xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 06/09/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định về định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Trà Vinh;

Xét Tờ trình số /TTr-SKHCN ngày/...../2018 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Trà Vinh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng NC: KTKT, KTTH, NN;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

KẾ HOẠCH

**Xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương
tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày/...../2018.
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

I. Căn cứ thực hiện:

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 67/2009/NĐ-CP ngày 03/8/2009 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 30/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 10/9/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc Quy định về xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 06/09/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định về định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Trà Vinh;

II. Mục tiêu:

- Đánh giá toàn diện, đúng thực trạng kết quả thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành đang áp dụng trong các lĩnh vực quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, xây dựng và ban hành các QCKTĐP theo đúng quy định.

- Giai đoạn 2018 - 2020 xây dựng và ban hành 06 (sáu) QCKTĐP gồm 02 QCKTĐP thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và 04 QCKTĐP thuộc lĩnh vực Công thương.

III. Khái quát tình hình:

1. Đánh giá thực trạng quản lý trong lĩnh vực sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường tại địa phương:

Thực hiện Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật: từ năm 2012 đến nay, UBND tỉnh Trà Vinh đã ban hành và áp dụng 05 QCKTĐP gồm: Khai thác thủy sản bằng nghề rập xếp; Khai thác thủy sản bằng nghề lưới đáy hàng khơi; Khai thác Nghêu và Sò huyết giống tự nhiên; Khai thác Ruốc tự nhiên; Quy trình sản xuất và sản phẩm rượu Xuân Thạnh.

Với các kết quả đã đạt được, góp phần vào sự tăng cường quản lý nhà nước và sự phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh vẫn còn một số hạn chế như khó kiểm soát, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ảnh hưởng đến môi trường cho người và động vật. Cụ thể như: một số làng nghề nuôi trồng, chế biến thủy sản, thực phẩm vẫn còn sản xuất, chế biến thủ công chưa có tiêu chuẩn dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường.

2. Xác định nhu cầu xây dựng QCKTĐP cho các lĩnh vực, đối tượng đặc thù và yêu cầu môi trường của địa phương:

Từ thực tế trên cho thấy việc hướng dẫn, xây dựng, ban hành QCKTĐP trong tình hình hiện nay được xác định là nhiệm vụ cần thiết, trọng tâm trong chỉ đạo của UBND tỉnh (do các Sở, ngành tham mưu). Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các làng nghề truyền thống, sản xuất, chế biến nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Đồng thời, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

3. Xác định lĩnh vực, đối tượng cụ thể cần xây dựng QCKTĐP và loại QCKT địa phương:

Căn cứ vào tình hình thực tế trong công tác quản lý nhà nước tại địa phương, việc ban hành QCKTĐP theo tinh thần của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật trong giai đoạn 2018 -2020 rất cần phải xây dựng các Quy chuẩn kỹ thuật địa phương như sau:

- Quy trình sản xuất và sản phẩm bánh tét Trà Côn;
- Quy trình sản xuất và sản phẩm cá khô Làng nghề sơ chế biến thủy sản Xóm Đáy, Đông Hải;
- Quy trình sản xuất và sản phẩm Hủ tiếu Thuận Hòa;
- Quy trình sản xuất và sản phẩm Bánh tráng Bến Cỏ;
- Quy trình kỹ thuật nuôi hàu trên sông nước lợ, mặn;
- Quy trình khai thác thủy sản bằng nghề Rập tròn.

IV. Đối tượng áp dụng:

Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

V. Kinh phí thực hiện:

1. Nguồn kinh phí (dự kiến):

- Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2018 – 2020 là **914.000.000 đồng** (Bằng chữ: Chín trăm mười bốn triệu đồng).

Trong đó:

- + Kinh phí xây dựng QCKTĐP giai đoạn 2018 - 2020: 734.000.000 đồng.
- + Kinh phí hoạt động trong công tác quản lý: 120.000.000 đồng.
- + Kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: 60.000.000 đồng (10.000.000 đồng/01 văn bản x 6 văn bản = 60.000.000 đồng)

- Kinh phí hoạt động và xây dựng quy chuẩn được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho hoạt động khoa học và công nghệ của địa phương để chi cho hoạt động xây dựng TCVN và QCKTĐP.

- Các nguồn kinh phí khác bố trí trong dự toán của các Bộ, ngành, địa phương để chi cho hoạt động xây dựng QCKTĐP.

- Kinh phí tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân khác (nếu có).

- Các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

2. Nội dung chi và định mức chi:

Các nội dung và định mức chi để thực hiện việc xây dựng QCKTĐP giai đoạn 2018 - 2020 tỉnh Trà Vinh theo chế độ chi tiêu hiện hành và một số mức chi đặc thù được quy định tại Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy định về định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Trà Vinh và Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

3. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí:

Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh, quyết toán kinh phí thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, cụ thể như sau:

- Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính dự trù kinh phí thực hiện việc xây dựng QCKTĐP giai đoạn 2018 – 2020 theo quy định.

- Việc phân bổ dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định quản lý và phân cấp quản lý tài chính hiện hành.

V. Thời gian thực hiện:

Kế hoạch xây dựng và ban hành QCKTĐP giai đoạn 2018 - 2020 được triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

Năm 2018: Xây dựng 03 quy chuẩn gồm Quy chuẩn sản xuất và sản phẩm bánh Tét Trà Côn; Quy chuẩn nuôi hàu trên sông nước lợ, mặn; Quy chuẩn khai thác thủy sản bằng nghề Rập tròn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Năm 2019: Xây dựng 02 quy chuẩn gồm Quy chuẩn sản xuất và sản phẩm Bánh trắng tại ấp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa; Quy chuẩn sản xuất và sản phẩm Cá khô Làng nghề sơ chế biến thủy sản Xóm Đáy, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải và tiếp tục thực hiện Quy chuẩn nuôi hàu trên sông nước lợ, mặn và Quy chuẩn khai thác thủy sản bằng nghề Rập tròn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh chuyển tiếp năm 2018 sang.

Năm 2020: Xây dựng 01 quy chuẩn gồm Quy chuẩn sản xuất và sản phẩm Hủ tiếu Thuận Hòa tại ấp Nô Công, xã Thuận Hòa.

VI. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì trong việc xây dựng QCKTĐP của tỉnh, có trách nhiệm tổng hợp và xây dựng kế hoạch QCKTĐP trên cơ sở đề xuất của các Sở, ngành.

- Theo dõi lập kế hoạch chung về tình hình rà soát, sửa đổi, thay thế, hủy bỏ các QCKTĐP trên cơ sở các Sở, ngành đề nghị.

- Xây dựng Kế hoạch QCKTĐP hằng năm trên cơ sở đề nghị của các tổ chức, cá nhân có liên quan trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện.

2. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cân đối, bố trí nguồn kinh phí KHCN cho các chương trình hoạt động xây dựng, ban hành QCKTĐP, TCCS và tổng hợp chung trong kế hoạch bố trí ngân sách hằng năm để thực hiện.

3. Sở Tư pháp:

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành và Ban soạn thảo QCKTĐP thực hiện rà soát, kiểm tra các văn bản, quy chuẩn để trình UBND tỉnh đảm bảo không trái với các quy định của pháp luật.

4. Các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã và thành phố:

Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan và Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch giai đoạn 2018 – 2020 và kế hoạch hằng năm và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng, ban hành QCKTĐP giai đoạn 2018 - 2020 của tỉnh và định kỳ hằng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

DANH MỤC

Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

| Số TT | Chuyên ngành/lĩnh vực, đối tượng cụ thể QCKTĐP | Tên Quy chuẩn kỹ thuật địa phương | Loại QCDP | Số lượng QCKTĐP cần xây dựng | | | | Kinh phí (triệu đồng) | | | |
|------------------------------|--|---|----------------|------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------------------|------------|------|--|
| | | | | Tổng số | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | Tổng số | NSNN | Khác | |
| A. Tổng số toàn tỉnh: | | | | 06 | 06 | 03 | 02 | 01 | 734 | | |
| I | Sở Công thương | | 04 | 04 | 01 | 02 | 01 | 354 | | | |
| 1. | Quy chuẩn này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân (gọi chung là cơ sở sản xuất) tham gia trực tiếp sản xuất bánh tét Trà Cuôn. | Quy trình sản xuất và sản phẩm bánh tét Trà Cuôn | QCDP 1:2018/TV | 01 | 01 | | | 87 | 100% | - | |
| 2. | Quy chuẩn này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân (gọi chung là cơ sở sản xuất) tham gia trực tiếp sản xuất bánh tráng tại ấp Bến Có, xã Nguyệt Hóa. | Quy trình sản xuất và sản phẩm Bánh tráng Bến Có | QCDP 1:2019/TV | 01 | | 01 | | 87 | 100% | - | |
| 3. | Quy chuẩn này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân (gọi chung là cơ sở sản xuất) tham gia trực tiếp sản xuất Hủ tiêu tại ấp Nô Công xã Thuận Hòa. | Quy trình sản xuất và sản phẩm Hủ tiêu Thuận Hòa | QCDP 1:2020/TV | 01 | | | 01 | 87 | 100% | - | |
| 4. | Quy chuẩn này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân (gọi chung là cơ sở sản xuất) tham gia trực tiếp sản xuất Cá khô tại Làng nghề sơ chế biển thủy sản Xóm Đáy, xã Đông Hải, huyện | Quy trình sản xuất và sản phẩm cá khô Làng nghề sơ chế biển thủy sản Xóm Đáy, xã Đông Hải | QCDP 2:2019/TV | 01 | | 01 | | 93 | 100% | - | |

| Số TT | Chuyên ngành/lĩnh vực, đối tượng cụ thể QCKTĐP | Tên Quy chuẩn kỹ thuật địa phương | Loại QCĐP | Số lượng QCKTĐP cần xây dựng | | | Kinh phí (triệu đồng) | | |
|---|--|--|----------------|------------------------------|----------|-------------------------------------|-----------------------|---------|------|
| | | | | Tổng số | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | Tổng số | NSNN |
| | Duyên Hải. | | | | | | | | |
| II | Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn | | | 02 | 02 | | | 380 | 100% |
| 1. | Quy chuẩn này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân nuôi hàu trên sông nước lợ, mặn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. | Quy trình kỹ thuật nuôi hàu trên sông nước lợ, mặn | QCĐP 3:2019/TV | | 01 | Chuyển tiếp (từ năm 2018 sang 2019) | | 200 | 100% |
| 2 | Quy chuẩn này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân nuôi hàu trên sông nước lợ, mặn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. | Quy chuẩn khai thác thủy sản bằng nghề Rập tròn | QCĐP 4:2019/TV | | 01 | Chuyển tiếp (từ năm 2018 sang 2019) | | 180 | 100% |
| B. Công tác quản lý | | | | | | | | 120 | |
| C. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. | | | | | | | | 60 | |
| Tổng cộng A+B+C= 914.000.000 đồng (Chín trăm mười bốn triệu đồng) | | | | | | | | | |

DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG

1. Tên gọi quy chuẩn kỹ thuật

Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm cá khô Làng nghề sơ chế biển thùy sản Xóm Đáy, Đông Hải.

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Phạm vi điều chỉnh: Quy chuẩn này quy định Quy trình sản xuất và sản phẩm phù hợp các quy định về an toàn thực phẩm đối với sản phẩm Cá khô được chế biến bằng phương pháp thủ công tại các tổ chức, cá nhân sản xuất tại Làng nghề sơ chế biển thùy sản Xóm Đáy, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

- Đối tượng áp dụng: Quy chuẩn này áp dụng cho các các tổ chức, cá nhân (gọi chung là cơ sở sản xuất) tham gia trực tiếp sản xuất Cá khô tại Làng nghề sơ chế biển thùy sản Xóm Đáy, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ: số 02, đường Lý Tự Trọng, Phường 1, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: (074) 3 852594; Fax: (074) 3852854; E-mail:

Tên cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

4. Tình hình quản lý đối tượng quy chuẩn kỹ thuật địa phương hoặc đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng tại địa phương

- Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật là:

+ Sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù của địa phương

| |
|---|
| X |
|---|

+ Yêu cầu cụ thể về môi trường tại địa phương

| |
|---|
| X |
|---|

- Tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý đối tượng trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật dự kiến ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Bộ Công Thương.

- Tình hình quản lý cụ thể đối tượng quy chuẩn kỹ thuật:

Hiện nay, tại Làng nghề sơ chế biển thùy sản Xóm Đáy, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có khoảng trên 50 hộ sản xuất cá khô. Sản phẩm hiện nay khá nổi tiếng trong và ngoài tỉnh, được đánh giá cao về mặt cảm quan. Nhìn chung đa phần các cơ sở sản xuất cá khô với qui mô nhỏ, chủ yếu sản xuất bằng thủ công cho năng suất thấp và chất lượng không ổn định, phần lớn các cơ sở, hộ sản xuất chưa có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện về an toàn thực phẩm do thiết bị, nhà xưởng chưa đảm bảo theo qui định. Bên cạnh đó, hiện nay khu vực sản xuất này do chủ yếu sản xuất bằng phương pháp thủ công nên chưa đảm bảo các qui định về môi trường. Đáng kể nhất là tình trạng một số sản phẩm cá khô lưu hành trên thị trường nhưng tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm chưa đảm bảo, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

Nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm Cá khô tại Làng nghề sơ chế biển thùy sản Xóm Đáy, xã Đông Hải để duy trì và xây dựng thương hiệu của Làng nghề,

đồng thời tổ chức, sắp xếp lại cơ sở sản xuất để công tác quản lý nhà nước đạt hiệu quả. Từ đó cho thấy, việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm Cá khô là rất cần thiết. Quy chuẩn này sẽ giúp các tổ chức, cá nhân sản xuất cá khô nâng cao nhận thức, tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm trong hoạt động sản xuất cá khô, góp phần xây dựng thương hiệu của Làng nghề.

5. Lý do và mục đích xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Quy chuẩn kỹ thuật nhằm đáp ứng những mục tiêu quản lý nào dưới đây:

- + Đảm bảo an toàn + Bảo vệ động, thực vật
- + Đảm bảo vệ sinh, sức khoẻ + Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
- + Bảo vệ môi trường + Các mục tiêu quản lý khác (*ghi rõ mục tiêu quản lý*): kiểm soát các chỉ tiêu an toàn thực phẩm trong sản phẩm Cá khô
- + Bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia

- QCVN dùng để chứng nhận hoặc công bố hợp quy
- Căn cứ về nội dung quản lý nhà nước có liên quan:
- + Trích dẫn tên gọi, số chỉ thị, văn bản có liên quan đến yêu cầu quản lý nêu trên
- + Yêu cầu hài hoà trong khuôn khổ hợp tác quốc tế và khu vực
- + Các yêu cầu quản lý khác:

6. Loại quy chuẩn kỹ thuật

- + Quy chuẩn kỹ thuật chung
- + Quy chuẩn kỹ thuật an toàn
- + Quy chuẩn kỹ thuật môi trường
- + Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình
- + Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ

7. Những vấn đề sẽ quy định trong quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Những vấn đề sẽ quy định (hoặc sửa đổi, bổ sung):

- + Yêu cầu về thái (nước thái, khí thái, chất thái rắn)
- + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm, hàng hóa đặc thù
- + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, bảo trì sản phẩm, hàng hóa đặc thù
- + An toàn trong dịch vụ môi trường
- + An toàn, vệ sinh trong các lĩnh vực khác thuộc lĩnh vực được phân công (liệt kê ở dưới)

- Bỏ cục, nội dung các phần chính của quy chuẩn kỹ thuật dự kiến:

1. QUY ĐỊNH CHUNG

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh
- 1.2. Đối tượng áp dụng
- 1.3. Giải thích từ ngữ
- 1.4. Từ viết tắt

2. QUY TRÌNH SẢN XUẤT

- 2.1. Sơ đồ quy trình sản xuất
- 2.2. Thuyết minh quy trình sản xuất

3. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

- 3.1. Chỉ tiêu vi sinh
- 3.2. Chỉ tiêu hóa lý
- 3.3. Chỉ tiêu vật lý
- 3.4. Chỉ tiêu cảm quan

4. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

- 4.1. Công bố hợp quy
- 4.2. Kiểm tra, giám sát và xử lý đối với sản xuất sản phẩm cá khô.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về tổ chức phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chuẩn này.

6.2. Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân kiến nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.

- Nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế: có không

Dự kiến khảo nghiệm các chỉ tiêu cho phép trong quá trình sản xuất sản phẩm cá khô tại Làng nghề sơ chế biến thủy sản Xóm Đáy, Đông Hải.

6. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

+ Xây dựng QCVN trên cơ sở tiêu chuẩn

+ Xây dựng QCVN trên cơ sở tham khảo tài liệu, dữ liệu khác

+ Xây dựng QCVN kết hợp cả tiêu chuẩn và tham khảo các tài liệu, dữ liệu

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật:

+ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

+ Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

+ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

+ Thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về nhãn hàng hoá;

+ Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

+ Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 09/11/2012 của Bộ Y Tế hướng dẫn việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm;

+ Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

+ Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 10/9/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định về định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật tỉnh Trà Vinh;

7. Kiến nghị ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Cơ quan, tổ chức biên soạn QCDP: *Sở Công thương tỉnh Trà Vinh là cơ quan chủ trì biên soạn QCDP*

- Sở Công thương tỉnh Trà Vinh thành lập Tổ soạn thảo QCDP để tổ chức hoạt động biên soạn. Dự kiến Tổ soạn thảo QCDP có 8 thành viên gồm: 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 06 thành viên phụ trách biên soạn.

8. Cơ quan phối hợp xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải, ...

- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: Bộ Công Thương.

- Dự kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Trà Vinh, Phòng KT-HT các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố Trà Vinh và đại diện một số hộ, cơ sở sản xuất sản phẩm cá khô tại Làng nghề sơ chế biến thủy sản Xóm Đáy, Đông Hải, huyện Duyên Hải.

9. Nội dung thực hiện

- Xây dựng dự thảo đề cương, dự toán quy chuẩn kỹ thuật địa phương;

- Hợp thông qua đề cương, dự toán dự thảo QCKTDP;

- Tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đánh giá (các hộ sản xuất sản xuất khô) để phục vụ xây dựng QCKTDP (số lượng điều tra dự kiến: 50 hộ, chỉ tiêu điều tra: dưới 30 chỉ tiêu);

- Báo cáo hiện trạng kết quả điều tra khảo sát;

- Lấy mẫu cá khô để kiểm nghiệm, phân tích (10 mẫu);

- Báo cáo đánh giá kết quả phân tích mẫu;

- Xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm cá khô Làng nghề sơ chế biến thủy sản Xóm Đáy, Đông Hải.

- Tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKTĐP (các hộ sản xuất cá khô, số lượng: 02 cuộc);
- Xây dựng báo cáo tiếp thu ý kiến đóng góp QCKTĐP;
- Hoàn chỉnh dự thảo QCKTĐP (lần 1);
- Lấy ý kiến của cơ quan, ban ngành, địa phương có liên quan và các thành viên trong Ban soạn thảo và đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKTĐP;
- Lấy ý kiến của Bộ Công Thương,
- Hoàn chỉnh dự thảo QCKTĐP (lần 2);
- Tổ chức hội nghị chuyên đề;
- Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCKTĐP trình duyệt;
- Gửi thẩm định hồ sơ dự thảo QCKTĐP;
- Hoàn chỉnh dự thảo và trình ban hành QCKTĐP.

10. Dự kiến tiến độ thực hiện

| TT | Nội dung công việc | Thời gian | |
|----|---|-----------------------|------------|
| | | Bắt đầu | Kết thúc |
| 1 | Xây dựng dự thảo đề cương, dự toán quy chuẩn kỹ thuật địa phương | Tháng 01/2019 | |
| 2 | Họp thông qua đề cương, dự toán dự thảo QCKTĐP và hoàn chỉnh trình UBND tỉnh | Từ tháng 02 - 03/2019 | |
| 3 | Tổ chức điều tra, khảo sát, khảo nghiệm đánh giá (các hộ sản xuất cá khô để phục vụ xây dựng QCKTĐP | Từ tháng 04 - 07/2019 | |
| 4 | Lấy mẫu cá khô để kiểm nghiệm, phân tích | | |
| 5 | Xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm cá khô Làng nghề sơ chế biến thủy sản Xóm Đáy, Đông Hải. | | |
| 7 | Tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKTĐP (các hộ sản xuất cá khô) | | |
| 8 | Xây dựng báo cáo tiếp thu ý kiến đóng góp QCKTĐP | | |
| 9 | Hoàn chỉnh dự thảo QCKTĐP (lần 1) | Tháng 08/2019 | |
| 10 | Tổ chức lấy ý kiến của Bộ Công Thương, cơ quan, ban ngành, địa phương có liên quan, các thành viên trong Ban soạn thảo và đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKTĐP (có đăng trên Báo Trà Vinh và Trang điện tử của UBND tỉnh) | | |
| 11 | Hoàn chỉnh dự thảo QCKTĐP (lần 2) | | |
| 12 | Tổ chức Hội nghị chuyên đề | 01/10/2019 | 15/10/2019 |
| 13 | Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCKTĐP trình duyệt | Tháng 11/2019 | |

| | | | |
|----|---|------------|------------|
| 14 | Gửi thẩm định hồ sơ dự thảo QCĐP | 01/12/2019 | 10/12/2019 |
| 15 | Hoàn chỉnh dự thảo và trình Ban hành QCĐP | 11/12/2019 | 31/12/2019 |

11. Dự toán kinh phí thực hiện

a. Tổng kinh phí dự kiến: 92.380.000 đồng (Chín mươi hai triệu ba trăm tám chục ngàn đồng).

Trong đó:

- Ngân sách Nhà nước: 100%
- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân: 0%
- Nguồn khác: 0%

b. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện: (theo hướng dẫn của Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng)./.

Trà Vinh, ngày 30 tháng 5 năm 2017

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị dự án QCĐP

Ký tên, đóng dấu (nếu có) *TS*



Trần Quốc Tuấn

BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG DỰ ÁN QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG
Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm cá khô các loại

(Đính kèm Công văn số 572/SCT-QLCN ngày tháng 5 năm 2017)

Đơn vị: đồng

| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|----|--|------------|----------|---------------------|-------------------|---|
| I | Nội dung chi trực tiếp cho việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương | | | | 81.315.000 | Mức chi theo Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 Ban hành quy định về định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Trà Vinh |
| 1 | Chi lập dự án xây dựng QCĐP trình cấp thẩm quyền phê duyệt | Dự án | 01 | 600.000 | 600.000 | Khoản 1 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 2 | Chi thuê chuyên gia xây dựng dự thảo QCĐP cần khảo sát, khảo nghiệm (chi tiết số lượng thuê cán bộ, số tháng thực hiện, xác nhận cơ quan) | dự án | 01 | 25.500.000 | 25.500.000 | Điểm b, Khoản 2 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 3 | Chi thuê đơn vị tư vấn (Đơn vị tư vấn thực hiện 03 tháng; chi tiết số lượng thuê cán bộ, số tháng thực hiện, xác nhận cơ quan) | Tháng | 03 | 4.100.000 | 12.300.000 | Khoản 3 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 4 | Xăng xe và phụ cấp công tác phí đi thực hiện nghiên cứu chuyên đề: điều tra, khảo sát, đánh giá.....phục vụ công tác xây dựng QCKTĐP : (10 ngày x 200.000 đồng/người x 02 người) | Ngày/người | 20 | 200.000 | 4.000.000 | Mức chi thực tế theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 28/9/2010; - Số lượng điều tra : 50 hộ (01 ngày/05 hộ/02 người) |
| 5 | Chi kiểm nghiệm, phân tích mẫu cá khô (10 mẫu x 3.000.000 đồng). | Mẫu | 10 | 3.000.000 | 30.000.000 | Theo giá thực tế |



| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|------------|----------|---------------------|-------------------|---|
| 6 | Tổ chức họp lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKT (các hộ sản xuất cá khô), cán bộ quản lý ở địa phương: 01 cuộc x 70 người/cuộc | | | | 6.430.000 | |
| 6,1 | Hỗ trợ tiền điện, chi phí giữ xe, dọn dẹp hội trường,... | cuộc | 01 | 300.000 | 300.000 | Mượn hội trường UBND xã |
| 6,2 | Băng rôn: 01 cuộc x 01 cái | Cái | 01 | 300.000 | 300.000 | |
| 6,3 | Thủ lao chủ trì cuộc họp: (01 cuộc x 01 buổi) | buổi | 01 | 130.000 | 130.000 | Điểm a, Khoản 5 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 6,4 | Hỗ trợ đại biểu tham dự họp: (60.000 đồng/người x 70 người/cuộc) | người | 70 | 60.000 | 4.200.000 | Điểm b, Khoản 5 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 6,5 | Công tác phí cho cán bộ chủ trì và quản lý cuộc họp: (04 người x 200.000 đồng/ngày) | người/cuộc | 04 | 200.000 | 800.000 | |
| 6,6 | Tài liệu cho đại biểu dự họp | người | 70 | 10.000 | 700.000 | |
| 7 | Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản QCKT | | | | 1.100.000 | |
| 7,1 | Chi lập báo cáo tổng hợp và tiếp thu ý kiến đóng góp của đối tượng chịu tác động của QCKTĐP | báo cáo | 01 | 200.000 | 200.000 | Chi theo Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính- Bộ Tư pháp |
| 7,2 | Chi lập báo cáo giải trình và tiếp thu ý kiến đóng góp | báo cáo | 01 | 300.000 | 300.000 | |
| 7,3 | Chi chỉnh lý hoàn thiện báo cáo tổng hợp quá trình xây dựng dự án QCKTĐP | lần | 01 | 150.000 | 150.000 | |
| 7,4 | Chi chỉnh lý hoàn thiện báo cáo Thuyết minh dự án QCKTĐP | lần | 01 | 150.000 | 150.000 | |
| 7,5 | Chi chỉnh lý hoàn thiện nội dung dự thảo QCKTĐP | lần | 02 | 150.000 | 300.000 | |

| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|---------|----------|---------------------|-------------------|---|
| 8 | Chi văn phòng phẩm, in ấn, pho to tài liệu phục vụ dự án QCKTĐP: - Văn phòng phẩm: 1.389.000 đồng (Mực in: 700.000 đ; Giấy in: 04 gam x 70.000 đ/gam = 280.000 đ; Phô tô tài liệu: Thuyết minh và các loại báo cáo = 220.000 đ; Sơ mi, viết, ghim kẹp,.. = | QC | 01 | 1.385.000 | 1.385.000 | Chi theo thực tế phát sinh |
| II | Hoạt động phục vụ công tác quản lý Quy chuẩn kỹ thuật địa phương | | | | 11.065.000 | Phần kinh phí này do cơ quan quản lý thực hiện và thanh toán theo quy định |
| 1 | Chi họp thông qua đề cương, Hội nghị lấy ý kiến có liên quan | | | | 2.060.000 | |
| 1,1 | Chiù trì cuộc họp | cuộc | 2 | 130.000 | 260.000 | Điểm a, Khoản 1 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 1,2 | Các thành viên tham dự (15 người/cuộc họp) x 02 cuộc | người | 30 | 60.000 | 1.800.000 | Điểm b, Khoản 1 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 2 | Chi họp hội đồng thẩm định nội dung, dự toán kinh phí dự án xây dựng quy chuẩn địa phương | | | | 555.000 | |
| 2,1 | Chiù trì cuộc họp | người | 1 | 130.000 | 130.000 | Khoản 5 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 2,2 | Chi các thành viên tham dự | người | 5 | 85.000 | 425.000 | |
| 3 | Chi nhận xét đánh giá phản biện hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng (02 báo cáo phản biện) | báo cáo | 2 | 425.000 | 850.000 | Khoản 4 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 4 | Chi gửi dự thảo lấy ý kiến, thông báo về việc lấy ý kiến dự thảo QCEP trên trang điện tử, tạp chí, ấn phẩm chính thức của UBND tỉnh, Sở chuyên ngành | | | | 1.000.000 | Mức chi theo Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh |

| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|------------|----------|---------------------|-------------------|---|
| | <i>Đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc Website của Sở Công Thương lấy ý kiến quy chuẩn kỹ thuật địa phương (02 kỳ đối với 01 QCĐP);</i> | kỳ | 02 | 500.000 | 1.000.000 | Điểm a, Khoản 5 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 5 | Văn phòng phẩm, chi phí in ấn, photo tài liệu liên quan đến việc thực hiện công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động xây dựng QCĐP. | dự án | 01 | 1.000.000 | 1.000.000 | Chi theo thực tế |
| 6 | Tiền xăng xe và phụ cấp công tác phí cho các thành viên Ban soạn thảo QCĐP đi kiểm tra quá trình thực hiện : (02 chuyến x 02 người) | Người/ngày | 04 | 200.000 | 800.000 | Chi thực tế theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 28/9/2010 |
| 7 | Chi soạn thảo Quyết định trình UBND tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: "Quy trình sản xuất và sản phẩm cá khô" | | | | 3.500.000 | |
| 7.1 | <i>Chi soạn thảo Quyết định trình UBND tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: "Quy trình sản xuất và sản phẩm cá khô"</i> | văn bản | 01 | 3.000.000 | 3.000.000 | Chi theo Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/03/2012 |
| 7.2 | <i>Chi thẩm định hồ sơ soạn thảo Quyết định trình UBND tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: "Quy trình sản xuất và sản phẩm cá khô"</i> | văn bản | 01 | 500.000 | 500.000 | |
| 8 | Nước uống các cuộc họp Ban soạn thảo | người | 30 | 10.000 | 300.000 | Chi theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 28/9/2010 |

| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|------------------------------------|--|-----|----------|------------------------|----------------------|--|
| 9 | Chi in ấn tài liệu QCKTĐP sau khi ban hành để phục vụ công tác cấp phát tuyên truyền | bộ | 50 | 20.000 | 1.000.000 | Chi theo QĐ số: 1576/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 ban hành quy định về định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Trà Vinh |
| Tổng kinh phí (phần I + II) | | | | | 92.380.000 | |

Bằng chữ: Chín mươi hai triệu ba trăm tám chục nghìn đồng.

DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG

1. Tên gọi quy chuẩn kỹ thuật

Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm bánh tét Trà Cuôn.

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Phạm vi điều chỉnh: Quy chuẩn này quy định Quy trình sản xuất và phù hợp các quy định về an toàn thực phẩm đối với sản phẩm bánh tét Trà Cuôn được chế biến bằng phương pháp thủ công tại các tổ chức, cá nhân trong Làng nghề sản xuất bánh tét Trà Cuôn.

- Đối tượng áp dụng: Quy chuẩn này áp dụng cho các các tổ chức, cá nhân (gọi chung là cơ sở sản xuất) tham gia trực tiếp sản xuất bánh tét tại Làng nghề sản xuất bánh tét Trà Cuôn.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ: số 02, đường Lý Tự Trọng, Phường 1, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: (074) 3 852594; Fax: (074) 3852854; E-mail:

Tên cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

4. Tình hình quản lý đối tượng quy chuẩn kỹ thuật địa phương hoặc đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng tại địa phương

- Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật là:

+ Sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù của địa phương

| |
|---|
| X |
|---|

+ Yêu cầu cụ thể về môi trường tại địa phương

| |
|---|
| X |
|---|

- Tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý đối tượng trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật dự kiến ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Bộ Công Thương.

- Tình hình quản lý cụ thể đối tượng quy chuẩn kỹ thuật:

Hiện nay, Làng nghề Bánh tét Trà Cuôn xã Kim Hòa, huyện Cầu Ngang tỉnh Trà Vinh có 07 cơ sở và 23 hộ nấu Bánh tét (lá bồ ngót và lá cẩm) tổng sản lượng sản phẩm các loại trên 366.000 sản phẩm/năm. Thị trường tiêu thụ chủ yếu ở các tỉnh như Trà Vinh, Bến Tre, Thành Phố Trà Vinh, Đồng Nai, Vĩnh Long,... Sản phẩm Bánh tét Trà Cuôn tuy khá nổi tiếng được đánh giá cao về mặt cảm quan, nhưng nhìn chung các cơ sở sản xuất Bánh tét với qui mô nhỏ, chủ yếu sản xuất bằng thủ công cho năng suất thấp và chất lượng không ổn định, phần lớn các cơ sở, hộ sản xuất trong Làng nghề chưa có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện về an toàn thực phẩm do trang thiết bị, nhà xưởng sản xuất chưa đảm bảo theo qui định. Đáng kể nhất là tình trạng một số sản phẩm Bánh tét lưu hành trên thị trường nhưng tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm chưa đảm bảo, tiềm ẩn nhiều nguy cơ ngộ độc, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

Nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm Bánh tét Trà Cuôn để duy trì và phát huy thương hiệu của Làng nghề, đồng thời tổ chức, sắp xếp lại cơ sở sản xuất, kinh doanh Bánh tét trong khu vực Làng nghề Bánh tét Trà Cuôn. Từ đó, giúp cho công tác quản lý nhà nước đạt hiệu quả, góp phần bảo tồn và phát triển làng nghề. Từ thực tế trên cho thấy, việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm bánh tét Trà Cuôn là rất cần thiết. Quy chuẩn này sẽ giúp các tổ chức, cá nhân sản xuất bánh tét tại khu vực Làng nghề bánh tét Trà Cuôn nâng cao nhận thức, tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm trong hoạt động sản xuất bánh tét, góp phần xây dựng thương hiệu của làng nghề «Bánh tét Trà Cuôn» vốn rất nổi tiếng của tỉnh.

5. Lý do và mục đích xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Quy chuẩn kỹ thuật nhằm đáp ứng những mục tiêu quản lý nào dưới đây:

- + Đảm bảo an toàn + Bảo vệ động, thực vật
- + Đảm bảo vệ sinh, sức khoẻ + Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
- + Bảo vệ môi trường + Các mục tiêu quản lý khác (*ghi rõ mục tiêu quản lý*): kiểm soát các chỉ tiêu an toàn thực phẩm trong sản phẩm bánh tét Trà Cuôn
- + Bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia

- QCVN dùng để chứng nhận hoặc công bố hợp quy

- Căn cứ về nội dung quản lý nhà nước có liên quan:

+ Trích dẫn tên gọi, số chỉ thị, văn bản có liên quan đến yêu cầu quản lý nêu trên

+ Yêu cầu hài hoà trong khuôn khổ hợp tác quốc tế và khu vực

+ Các yêu cầu quản lý khác:

6. Loại quy chuẩn kỹ thuật

- + Quy chuẩn kỹ thuật chung
- + Quy chuẩn kỹ thuật an toàn
- + Quy chuẩn kỹ thuật môi trường
- + Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình
- + Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ

7. Những vấn đề sẽ quy định trong quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Những vấn đề sẽ quy định (hoặc sửa đổi, bổ sung):

- + Yêu cầu về thái (nước thái, khí thái, chất thái rắn)
- + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm, hàng hóa đặc thù
- + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận

chuyển, sử dụng, bảo trì sản phẩm, hàng hóa đặc thù

+ An toàn trong dịch vụ môi trường

+ An toàn, vệ sinh trong các lĩnh vực khác thuộc lĩnh vực được phân công (liệt kê ở dưới)

- Bố cục, nội dung các phần chính của quy chuẩn kỹ thuật dự kiến:

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

1.2. Đối tượng áp dụng

1.3. Giải thích từ ngữ

1.4. Từ viết tắt

2. QUY TRÌNH SẢN XUẤT

2.1. Sơ đồ quy trình sản xuất

2.2. Thuyết minh quy trình sản xuất

3. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

3.1. Chỉ tiêu vi sinh

3.2. Chỉ tiêu hóa lý

3.3. Chỉ tiêu vật lý

3.4. Chỉ tiêu cảm quan

4. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4.1. Công bố hợp quy

4.2. Kiểm tra, giám sát và xử lý đối với sản xuất bánh tét Trà Cuôn

5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về tổ chức phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chuẩn này.

6.2. Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân kiến nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.

- Nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế: có không

Dự kiến khảo nghiệm các chỉ tiêu cho phép trong quá trình sản xuất bánh tét Trà Cuôn tại xã Kim Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

6. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương

+ Xây dựng QCVN trên cơ sở tiêu chuẩn

+ Xây dựng QCVN trên cơ sở tham khảo tài liệu, dữ liệu khác

+ Xây dựng QCVN kết hợp cả tiêu chuẩn và tham khảo các tài liệu, dữ liệu

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật:

- + Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;
- + Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- + Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- + Thông tư số 09/2007/TT-BKHHCN ngày 06/04/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về nhãn hàng hoá;
- + Thông tư số 23/2007/TT-BKHHCN ngày 28/9/2007 của của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;
- + Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 09/11/2012 của Bộ Y Tế hướng dẫn việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm;
- + Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
- + Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 10/9/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định về định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật tỉnh Trà Vinh;

7. Kiến nghị ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Cơ quan, tổ chức biên soạn QCDP: Sở Công thương tỉnh Trà Vinh là cơ quan chủ trì biên soạn QCDP
- Sở Công thương tỉnh Trà Vinh thành lập Tổ soạn thảo QCDP để tổ chức hoạt động biên soạn. Dự kiến Tổ soạn thảo QCDP có 08 thành viên gồm: 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 06 thành viên phụ trách biên soạn.

8. Cơ quan phối hợp xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, ...

- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: Bộ Công Thương.

- Dự kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Trà Vinh, Phòng KT-HT các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố Trà Vinh và đại diện một số hộ, cơ sở sản xuất bánh tét của làng nghề sản xuất Bánh tét Trà Cuôn.

9. Nội dung thực hiện

- Xây dựng dự thảo đề cương, dự toán quy chuẩn kỹ thuật địa phương;
- Hợp thông qua đề cương, dự toán dự thảo QCKTDP;
- Tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đánh giá (các hộ sản xuất bánh tét) để phục vụ xây dựng QCKTDP (số lượng điều tra dự kiến: 30 hộ, chỉ tiêu điều tra: dưới 30 chỉ tiêu);
- Báo cáo hiện trạng kết quả điều tra khảo sát;

- Lấy mẫu bánh tét để kiểm nghiệm, phân tích (10 mẫu);
- Báo cáo đánh giá kết quả phân tích mẫu;
- Xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm bánh tét Trà Cuôn;
- Tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKTĐP (các hộ sản xuất bánh tét Trà Cuôn), số lượng: 02 cuộc;
- Xây dựng báo cáo tiếp thu ý kiến đóng góp QCKTĐP;
- Hoàn chỉnh dự thảo QCKTĐP (lần 1);
- Lấy ý kiến của cơ quan, ban ngành, địa phương có liên quan và các thành viên trong Ban soạn thảo và đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKTĐP;
- Lấy ý kiến của Bộ Công Thương,
- Hoàn chỉnh dự thảo QCKTĐP (lần 2);
- Tổ chức hội nghị chuyên đề;
- Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCKTĐP trình duyệt;
- Gửi thẩm định hồ sơ dự thảo QCKTĐP;
- Hoàn chỉnh dự thảo và trình ban hành QCKTĐP.

10. Dự kiến tiến độ thực hiện

| TT | Nội dung công việc | Thời gian | |
|----|--|-----------------------|----------|
| | | Bắt đầu | Kết thúc |
| 1 | Xây dựng dự thảo đề cương, dự toán quy chuẩn kỹ thuật địa phương | Tháng 01/2018 | |
| 2 | Họp thông qua đề cương, dự toán dự thảo QCKTĐP và hoàn chỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt | Từ tháng 02 - 03/2018 | |
| 3 | Tổ chức điều tra, khảo sát, khảo nghiệm đánh giá (các hộ sản xuất bánh tét Trà Cuôn) để phục vụ xây dựng QCKTĐP | Từ tháng 04 - 07/2018 | |
| 4 | Lấy mẫu bánh tét để kiểm nghiệm, phân tích | | |
| 5 | Xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm bánh tét Trà Cuôn | | |
| 7 | Tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKTĐP (các hộ sản xuất bánh tét Trà Cuôn) | | |
| 8 | Xây dựng báo cáo tiếp thu ý kiến đóng góp QCKTĐP | | |
| 9 | Hoàn chỉnh dự thảo QCKTĐP (lần 1) | Tháng 08/2018 | |
| 10 | Tổ chức lấy ý kiến của Bộ Công Thương, cơ quan, ban ngành, địa phương có liên quan, các thành viên trong Ban soạn thảo và đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKTĐP (có đăng trên Báo Trà Vinh và Trang điện tử của | | |

| | | | |
|----|--|---------------|------------|
| | UBND tỉnh) | | |
| 11 | Hoàn chỉnh dự thảo QCDP (lần 2) | Tháng 09/2018 | |
| 12 | Tổ chức Hội nghị chuyên đề | 01/10/2018 | 15/10/2018 |
| 13 | Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCDP trình duyệt | Tháng 11/2018 | |
| 14 | Gửi thẩm định hồ sơ dự thảo QCDP | 01/12/2018 | 10/12/2018 |
| 15 | Hoàn chỉnh dự thảo và trình Ban hành QCDP | 11/12/2018 | 31/12/2018 |

11. Dự toán kinh phí thực hiện

a. Tổng kinh phí dự kiến: 87.000.000 đồng (Tám mươi bảy triệu đồng).

Trong đó:

- Ngân sách Nhà nước: 100%
- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân: 0%
- Nguồn khác: 0%

b. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện: (theo hướng dẫn của Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng)./.

Trà Vinh, ngày 30 tháng 5 năm 2017
 Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị dự án QCDP

Ký tên, đóng dấu (nếu có) *M*



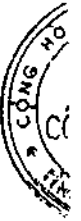
Trần Quốc Tuấn

BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG DỰ ÁN QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG
 Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm Bánh tét Trà Cuôn

(Đính kèm Công văn số /SCT-QLCN ngày 30 tháng 5 năm 2017)

Đơn vị: đồng

| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|----|---|------------|----------|---------------------|-------------------|---|
| I | Nội dung chi trực tiếp cho việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương | | | | 76.411.800 | Mức chi theo Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 Ban hành quy định về định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Trà Vinh |
| 1 | Chi lập dự án xây dựng QCĐP trình cấp thẩm quyền phê duyệt | Dự án | 01 | 600.000 | 600.000 | Khoản 1 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 2 | Chi thuê chuyên gia xây dựng dự thảo QCĐP cần khảo sát, khảo nghiệm (chi tiết số lượng thuê cán bộ, số tháng thực hiện, xác nhận cơ quan) | dự án | 01 | 25.500.000 | 25.500.000 | Điểm b, Khoản 2 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 3 | Chi thuê đơn vị tư vấn (Đơn vị tư vấn thực hiện 03 tháng; chi tiết số lượng thuê cán bộ, số tháng thực hiện, xác nhận cơ quan) | Tháng | 03 | 4.100.000 | 12.300.000 | Khoản 3 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 4 | Xăng xe và phụ cấp công tác phí đi thực hiện nghiên cứu chuyên đề: điều tra, khảo sát, đánh giá.....phục vụ công tác xây dựng QCKTĐP : (06 ngày x 80.800 đồng/người x 02 người) | Ngày/người | 12 | 80.800 | 969.600 | Mức chi thực tế theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 28/9/2010; - Số lượng điều tra : 30 hộ (01 ngày/05 hộ/02 người) |



| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|------------|----------|---------------------|-------------------|---|
| 5 | Chi kiểm nghiệm, phân tích mẫu Bánh tét (10 mẫu x 3.000.000 đồng). | Mẫu | 10 | 3.000.000 | 30.000.000 | Theo giá thực tế |
| 6 | Tổ chức họp lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKT (các hộ sản xuất Bánh Tét), cán bộ quản lý ở địa phương: 01 cuộc x 50 người/cuộc | | | | 4.553.200 | |
| 6,1 | Hỗ trợ tiền điện, chi phí giữ xe, dọn dẹp hội trường,... | cuộc | 01 | 300.000 | 300.000 | Mượn hội trường UBND xã |
| 6,2 | Băng rôn: 01 cuộc x 01 cái | Cái | 01 | 300.000 | 300.000 | |
| 6,3 | Thủ lao chủ trì cuộc họp : (01 cuộc x 01 buổi) | buổi | 01 | 130.000 | 130.000 | Điểm a, Khoản 5 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 6,4 | Hỗ trợ đại biểu tham dự họp: (60.000 đồng/người x 50 người/cuộc) | người | 50 | 60.000 | 3.000.000 | Điểm b, Khoản 5 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 6,5 | Công tác phí cho cán bộ chủ trì và quản lý cuộc họp: (04 người x 80.800 đồng/ngày) | người/cuộc | 04 | 80.800 | 323.200 | |
| 6,6 | Tài liệu cho đại biểu dự họp | người | 50 | 10.000 | 500.000 | |
| 7 | Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản QCKT | | | | 1.100.000 | |
| 7,1 | Chi lập báo cáo tổng hợp và tiếp thu ý kiến đóng góp của đối tượng chịu tác động của QCKTĐP | báo cáo | 01 | 200.000 | 200.000 | |

Chi theo Thông tư liên tịch số

| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|---|---------|----------|---------------------|-------------------|---|
| 7,2 | Chi lập báo cáo giải trình và tiếp thu ý kiến đóng góp | báo cáo | 01 | 300.000 | 300.000 | 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính- Bộ Tư pháp |
| 7,3 | Chi chỉnh lý hoàn thiện báo cáo tổng hợp quá trình xây dựng dự án QCKTĐP | lần | 01 | 150.000 | 150.000 | |
| 7,4 | Chi chỉnh lý hoàn thiện báo cáo Thuyết minh dự án QCKTĐP | lần | 01 | 150.000 | 150.000 | |
| 7,5 | Chi chỉnh lý hoàn thiện nội dung dự thảo QCKTĐP | lần | 02 | 150.000 | 300.000 | |
| 8 | Chi văn phòng phẩm, in ấn, pho to tài liệu phục vụ dự án QCKTĐP: - Văn phòng phẩm: 1.389.000 đồng (Mực in: 700.000 đ; Giấy in: 04 gam x 70.000 đ/gam = 280.000 đ; Phô tô tài liệu: Thuyết minh và các loại báo cáo = 220.000 đ; Sơ mi, viết, ghim kẹp,.. = 189.000 đ). | QC | 01 | 1.389.000 | 1.389.000 | Chi theo thực tế phát sinh |
| II | Hoạt động phục vụ công tác quản lý Quy chuẩn kỹ thuật địa phương | | | | 10.588.200 | Phần kinh phí này do cơ quan quản lý thực hiện và thanh toán theo quy định |
| 1 | Chi họp thông qua đề cương, Hội nghị lấy ý kiến có liên quan | | | | 2.060.000 | |
| 1,1 | Chủ trì cuộc họp | cuộc | 2 | 130.000 | 260.000 | Điểm a, Khoản 1 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 1,2 | Các thành viên tham dự (15 người/cuộc họp) x 02 cuộc | người | 30 | 60.000 | 1.800.000 | Điểm b, Khoản 1 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 2 | Chi họp hội đồng thẩm định nội dung, dự toán kinh phí dự án xây dựng quy chuẩn địa phương | | | | 555.000 | |
| 2,1 | Chủ trì cuộc họp | người | 1 | 130.000 | 130.000 | Khoản 5 (Mục A), Điều 2. Quyết |

SỞ
KINH TẾ
HỢP TÁC

| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|------------|----------|---------------------|-------------------|---|
| 2,2 | Chi các thành viên tham dự | người | 5 | 85.000 | 425.000 | định 1576/QĐ-UBND |
| 3 | Chi nhận xét đánh giá phản biện hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng (02 báo cáo báo cáo phản biện) | báo cáo | 2 | 425.000 | 850.000 | Khoản 4 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 4 | Chi gửi dự thảo lấy ý kiến, thông báo về việc lấy ý kiến dự thảo QCĐP trên trang điện tử, tạp chí, ấn phẩm chính thức của UBND tỉnh, Sở chuyên ngành | | | | 1.000.000 | Mức chi theo Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh |
| | Đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc Website của Sở Công Thương lấy ý kiến quy chuẩn kỹ thuật địa phương (02 kỳ đối với 01 QCĐP); | kỳ | 02 | 500.000 | 1.000.000 | Điểm a, Khoản 5 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 5 | Văn phòng phẩm, chi phí in ấn, photo tài liệu liên quan đến việc thực hiện công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động xây dựng QCĐP. | dự án | 01 | 1.000.000 | 1.000.000 | Chi theo thực tế |
| 6 | Tiền xăng xe và phụ cấp công tác phí cho các thành viên Ban soạn thảo QCĐP đi kiểm tra quá trình thực hiện : (02 chuyến x 02 người) | Người/ngày | 04 | 80.800 | 323.200 | Chi thực tế theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 28/9/2010 |
| 7 | Chi soạn thảo Quyết định trình UBND tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: "Quy trình sản xuất và sản phẩm Bánh tét" | | | | 3.500.000 | |
| 7,1 | Chi soạn thảo Quyết định trình UBND tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: "Quy trình sản xuất và sản phẩm Bánh tét" | văn bản | 01 | 3.000.000 | 3.000.000 | Chi theo Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/03/2012 |

| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|------------------------------------|--|---------|----------|---------------------|-------------------|--|
| 7,2 | Chi thẩm định hồ sơ soạn thảo Quyết định trình UBND tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: "Quy trình sản xuất và sản phẩm Bánh tét" | văn bản | 01 | 500.000 | 500.000 | |
| 8 | Nước uống các cuộc họp Ban soạn thảo | người | 30 | 10.000 | 300.000 | Chi theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 28/9/2010 |
| 9 | Chi in ấn tài liệu QCKTĐP sau khi ban hành để phục vụ công tác cấp phát tuyên truyền | bộ | 50 | 20.000 | 1.000.000 | Chi theo QĐ số: 1576/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 ban hành quy định về định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Trà Vinh |
| Tổng kinh phí (phần I + II) | | | | | 87.000.000 | |

Bằng chữ: Tám mươi bảy triệu đồng./.



DỰ ÁN

XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG

1. Tên gọi quy chuẩn kỹ thuật

Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm Hủ tiếu Thuận Hòa.

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Phạm vi điều chỉnh: Quy chuẩn này quy định Quy trình sản xuất và sản phẩm phù hợp các quy định về an toàn thực phẩm đối với sản phẩm Hủ Tiếu Thuận Hòa được chế biến bằng phương pháp bán thủ công tại các tổ chức, cá nhân sản xuất Hủ tiếu tại ấp Nô Công xã Thuận Hòa.

- Đối tượng áp dụng: Quy chuẩn này áp dụng cho các các tổ chức, cá nhân (gọi chung là cơ sở sản xuất) tham gia trực tiếp sản xuất Hủ tiếu tại ấp Nô Công xã Thuận Hòa.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân: Sở Công thương tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ: số 02, đường Lý Tự Trọng, Phường 1, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: (074) 3 852594; Fax: (074) 3852854; E-mail:

Tên cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

4. Tình hình quản lý đối tượng quy chuẩn kỹ thuật địa phương hoặc đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng tại địa phương

- Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật là:

+ Sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù của địa phương

+ Yêu cầu cụ thể về môi trường tại địa phương

- Tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý đối tượng trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật dự kiến ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Bộ Công Thương.

- Tình hình quản lý cụ thể đối tượng quy chuẩn kỹ thuật:

Hiện nay, tại ấp Nô Công xã Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang tỉnh Trà Vinh có khoảng trên 30 hộ sản xuất hủ tiếu. Sản phẩm hủ tiếu Thuận Hòa hiện nay được đánh giá cao về chất lượng hơn so với các địa phương khác, tuy nhiên chỉ đánh giá về mặt cảm quan. Nhìn chung các cơ sở sản xuất hủ tiếu với qui mô nhỏ, chủ yếu sản xuất bằng thủ công cho năng suất thấp và chất lượng không ổn định, phần lớn các cơ sở chưa có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện về an toàn thực phẩm do thiết bị, nhà xưởng sản xuất chưa đảm bảo theo qui định, đồng thời tình hình xử lý chất thải chưa đảm bảo theo qui định, nguồn nước thải có khả năng gây ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, một số sản phẩm hủ tiếu lưu hành trên thị trường nhưng tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm chưa đảm bảo, tiềm ẩn khả năng nguy cơ ngộ độc, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

Nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm để duy trì và xây dựng thương hiệu Hủ tiếu Thuận Hòa, đồng thời tổ chức, sắp xếp lại cơ sở sản xuất để công tác quản lý

nhà nước đạt hiệu quả. Từ thực tế trên thấy rằng, việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm Hũ tiêu Thuận Hòa là rất cần thiết. Quy chuẩn này sẽ giúp các tổ chức, cá nhân sản xuất hũ tiêu nâng cao nhận thức, tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm, đảm bảo về môi trường trong sản xuất hũ tiêu. góp phần xây dựng thương hiệu.

5. Lý do và mục đích xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Quy chuẩn kỹ thuật nhằm đáp ứng những mục tiêu quản lý nào dưới đây:

- + Đảm bảo an toàn + Bảo vệ động, thực vật
- + Đảm bảo vệ sinh, sức khoẻ + Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
- + Bảo vệ môi trường + Các mục tiêu quản lý khác (*ghi rõ mục tiêu quản lý*): kiểm soát các chỉ tiêu an toàn thực phẩm trong sản phẩm hũ tiêu Thuận Hòa
- + Bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia

- QCVN dùng để chứng nhận hoặc công bố hợp quy

- Căn cứ về nội dung quản lý nhà nước có liên quan:

+ Trích dẫn tên gọi, số chỉ thị, văn bản có liên quan đến yêu cầu quản lý nêu trên

+ Yêu cầu hài hoà trong khuôn khổ hợp tác quốc tế và khu vực

+ Các yêu cầu quản lý khác:

6. Loại quy chuẩn kỹ thuật

- + Quy chuẩn kỹ thuật chung
- + Quy chuẩn kỹ thuật an toàn
- + Quy chuẩn kỹ thuật môi trường
- + Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình
- + Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ

7. Những vấn đề sẽ quy định trong quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Những vấn đề sẽ quy định (hoặc sửa đổi, bổ sung):

- + Yêu cầu về thái (nước thái, khí thái, chất thái rắn)
- + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm, hàng hóa đặc thù
- + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, bảo trì sản phẩm, hàng hóa đặc thù
- + An toàn trong dịch vụ môi trường
- + An toàn, vệ sinh trong các lĩnh vực khác thuộc lĩnh vực được phân công (liệt kê ở dưới)

- Bỏ cục, nội dung các phần chính của quy chuẩn kỹ thuật dự kiến:

1. QUY ĐỊNH CHUNG

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh
- 1.2. Đối tượng áp dụng
- 1.3. Giải thích từ ngữ
- 1.4. Từ viết tắt

2. QUY TRÌNH SẢN XUẤT

- 2.1. Sơ đồ quy trình sản xuất
- 2.2. Thuyết minh quy trình sản xuất

3. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

- 3.1. Chỉ tiêu vi sinh
- 3.2. Chỉ tiêu hóa lý
- 3.3. Chỉ tiêu vật lý
- 3.4. Chỉ tiêu cảm quan

4. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

- 4.1. Công bố hợp quy
- 4.2. Kiểm tra, giám sát và xử lý đối với sản xuất hũ tiêu Thuận Hòa

5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về tổ chức phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chuẩn này.

6.2. Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân kiến nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.

- Nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế: có không

Dự kiến khảo nghiệm các chỉ tiêu cho phép trong quá trình sản xuất hũ tiêu tại ấp Nô Công, xã Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

6. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- + Xây dựng QCVN trên cơ sở tiêu chuẩn
- + Xây dựng QCVN trên cơ sở tham khảo tài liệu, dữ liệu khác
- + Xây dựng QCVN kết hợp cả tiêu chuẩn và tham khảo các tài liệu, dữ liệu

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật:

+ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

+ Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

+ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

+ Thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về nhãn hàng hoá;

+ Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

+ Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 09/11/2012 của Bộ Y Tế hướng dẫn việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm;

+ Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

+ Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 10/9/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định về định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật tỉnh Trà Vinh;

7. Kiến nghị ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Cơ quan, tổ chức biên soạn QCDP: Sở Công thương tỉnh Trà Vinh là cơ quan chủ trì biên soạn QCDP

- Sở Công thương tỉnh Trà Vinh thành lập Tổ soạn thảo QCDP để tổ chức hoạt động biên soạn. Dự kiến Tổ soạn thảo QCDP có 8 thành viên gồm: 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 06 thành viên phụ trách biên soạn.

8. Cơ quan phối hợp xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, ...

- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: Bộ Công Thương.

- Dự kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Trà Vinh, Phòng KT-HT các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố Trà Vinh và đại diện một số hộ, cơ sở sản xuất hủ tiếu tại ấp Nô Công, xã Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang.

9. Nội dung thực hiện

- Xây dựng dự thảo đề cương, dự toán quy chuẩn kỹ thuật địa phương;

- Hợp thông qua đề cương, dự toán dự thảo QCKTDP;

- Tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đánh giá (các hộ sản xuất hủ tiếu) để phục vụ xây dựng QCKTDP (số lượng điều tra dự kiến: 30 hộ, chỉ tiêu điều tra: dưới 30 chỉ tiêu);

- Báo cáo hiện trạng kết quả điều tra khảo sát;

- Lấy mẫu hủ tiếu để kiểm nghiệm, phân tích (12 mẫu);

- Báo cáo đánh giá kết quả phân tích mẫu;

- Xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm hủ tiếu Thuận Hòa;

- Tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKTĐP (các hộ sản xuất hủ tiếu, số lượng: 02 cuộc);

- Xây dựng báo cáo tiếp thu ý kiến đóng góp QCKTĐP;

- Hoàn chỉnh dự thảo QCKTĐP (lần 1);

- Lấy ý kiến của cơ quan, ban ngành, địa phương có liên quan và các thành viên trong Ban soạn thảo và đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCDP;

- Lấy ý kiến của Bộ Công Thương,

- Hoàn chỉnh dự thảo QCKTĐP (lần 2);

- Tổ chức hội nghị chuyên đề;

- Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCKTĐP trình duyệt;

- Gửi thẩm định hồ sơ dự thảo QCKTĐP;

- Hoàn chỉnh dự thảo và trình ban hành QCKTĐP.

10. Dự kiến tiến độ thực hiện

| TT | Nội dung công việc | Thời gian | |
|----|---|-----------------------|----------|
| | | Bắt đầu | Kết thúc |
| 1 | Xây dựng dự thảo đề cương, dự toán quy chuẩn kỹ thuật địa phương | Tháng 01/2020 | |
| 2 | Hợp thông qua đề cương, dự toán dự thảo QCKTĐP và hoàn chỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt | Từ tháng 02 - 03/2020 | |
| 3 | Tổ chức điều tra, khảo sát, khảo nghiệm đánh giá (các hộ sản xuất hủ tiếu) để phục vụ xây dựng QCKTĐP | Từ tháng 04 - 07/2020 | |
| 4 | Lấy mẫu hủ tiếu để kiểm nghiệm, phân tích | | |
| 5 | Xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm hủ tiếu Thuận Hòa; | | |
| 7 | Tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKTĐP (các hộ sản xuất hủ tiếu) | | |
| 8 | Xây dựng báo cáo tiếp thu ý kiến đóng góp QCKTĐP | | |
| 9 | Hoàn chỉnh dự thảo QCKTĐP (lần 1) | | |

| | | | |
|----|---|---------------|------------|
| 10 | Tổ chức lấy ý kiến của Bộ Công Thương, cơ quan, ban ngành, địa phương có liên quan, các thành viên trong Ban soạn thảo và đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCDP (có đăng trên Báo Trà Vinh và Trang điện tử của UBND tỉnh) | Tháng 08/2020 | |
| 11 | Hoàn chỉnh dự thảo QCDP (lần 2) | Tháng 09/2020 | |
| 12 | Tổ chức Hội nghị chuyên đề | 01/10/2020 | 15/10/2020 |
| 13 | Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCDP trình duyệt | Tháng 11/2020 | |
| 14 | Gửi thẩm định hồ sơ dự thảo QCDP | 01/12/2020 | 10/12/2020 |
| 15 | Hoàn chỉnh dự thảo và trình Ban hành QCDP | 11/12/2020 | 31/12/2020 |

11. Dự toán kinh phí thực hiện

a. Tổng kinh phí dự kiến: 87.000.000 đồng (Tám mươi bảy triệu đồng).

Trong đó:

- Ngân sách Nhà nước: 100%
- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân: 0%
- Nguồn khác: 0%

b. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện: (theo hướng dẫn của Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng)./.

Trà Vinh, ngày 30 tháng 5 năm 2017
 Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị dự án QCDP
 Ký tên, đóng dấu (nếu có) *th*



Trần Quốc Tuấn

BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG DỰ ÁN QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG
Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm Hủ tiếu Thuận Hòa

(Đính kèm Công văn số 572/SCT-QLCN ngày 04 tháng 5 năm 2017)

Đơn vị: đồng

| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|----|---|--------------|----------|---------------------|-------------------|---|
| I | Nội dung chi trực tiếp cho việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương | | | | 76.411.800 | Mức chi theo Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 Ban hành quy định về định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Trà Vinh |
| 1 | Chi lập dự án xây dựng QCĐP trình cấp thẩm quyền phê duyệt | Dự án | 01 | 600.000 | 600.000 | Khoản 1 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 2 | Chi thuê chuyên gia xây dựng dự thảo QCĐP cần khảo sát, khảo nghiệm (chi tiết số lượng thuê cán bộ, số tháng thực hiện, xác nhận cơ quan) | dự án | 01 | 25.500.000 | 25.500.000 | Điểm b, Khoản 2 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 3 | Chi thuê đơn vị tư vấn (Đơn vị tư vấn thực hiện 03 tháng; chi tiết số lượng thuê cán bộ, số tháng thực hiện, xác nhận cơ quan) | Tháng | 03 | 4.100.000 | 12.300.000 | Khoản 3 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 4 | Xăng xe và phụ cấp công tác phí đi thực hiện nghiên cứu chuyên đề: điều tra, khảo sát, đánh giá.....phục vụ công tác xây dựng QCKTĐP : (06 ngày x 80.800 đồng/người x 02 người) | Ngày/n người | 12 | 80.800 | 969.600 | Mức chi thực tế theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 28/9/2010; - Số lượng điều tra : 30 hộ (01 ngày/05 hộ/02 người) |



| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|------------|----------|---------------------|-------------------|---|
| 5 | Chi kiểm nghiệm, phân tích mẫu Bánh tét (10 mẫu x 3.000.000 đồng). | Mẫu | 10 | 3.000.000 | 30.000.000 | Theo giá thực tế |
| 6 | Tổ chức họp lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKT (các hộ sản xuất Bánh Tét), cán bộ quản lý ở địa phương: 01 cuộc x 50 người/cuộc | | | | 4.553.200 | |
| 6,1 | Hỗ trợ tiền điện, chi phí giữ xe, dọn dẹp hội trường, ... | cuộc | 01 | 300.000 | 300.000 | Mượn hội trường UBND xã |
| 6,2 | Băng rôn: 01 cuộc x 01 cái | Cái | 01 | 300.000 | 300.000 | |
| 6,3 | Thù lao chủ trì cuộc họp: (01 cuộc x 01 buổi) | buổi | 01 | 130.000 | 130.000 | Điểm a, Khoản 5 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 6,4 | Hỗ trợ đại biểu tham dự họp: (60.000 đồng/người x 50 người/cuộc) | người | 50 | 60.000 | 3.000.000 | Điểm b, Khoản 5 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 6,5 | Công tác phí cho cán bộ chủ trì và quản lý cuộc họp: (04 người x 80.800 đồng/ngày) | người/cuộc | 04 | 80.800 | 323.200 | |
| 6,6 | Tài liệu cho đại biểu dự họp | người | 50 | 10.000 | 500.000 | |
| 7 | Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản QCKT | | | | 1.100.000 | |
| 7,1 | Chi lập báo cáo tổng hợp và tiếp thu ý kiến đóng góp của đối tượng chịu tác động của QCKTĐP | báo cáo | 01 | 200.000 | 200.000 | |
| 7,2 | Chi lập báo cáo giải trình và tiếp thu ý kiến đóng góp | báo cáo | 01 | 300.000 | 300.000 | |

Chi theo Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính- Bộ Tư

| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|-------|----------|------------------------|----------------------|--|
| 7,3 | Chi chính lý hoàn thiện báo cáo tổng hợp quá trình xây dựng dự án QCKTĐP | lần | 01 | 150.000 | 150.000 | pháp |
| 7,4 | Chi chính lý hoàn thiện báo cáo Thuyết minh dự án QCKTĐP | lần | 01 | 150.000 | 150.000 | |
| 7,5 | Chi chính lý hoàn thiện nội dung dự thảo QCKTĐP | lần | 02 | 150.000 | 300.000 | |
| 8 | Chi văn phòng phẩm, in ấn, pho to tài liệu phục vụ dự án QCKTĐP: - Văn phòng phẩm: 1.389.000 đồng (Mực in: 700.000 đ; Giấy in: 04 gam x 70.000 đ/gam = 280.000 đ; Phô tô tài liệu: Thuyết minh và các loại báo cáo = 220.000 đ; Sơ mi, viết, ghim kẹp,.. = 189.000 đ). | QC | 01 | 1.389.000 | 1.389.000 | Chi theo thực tế phát sinh |
| II | Hoạt động phục vụ công tác quản lý Quy chuẩn kỹ thuật địa phương | | | | 10.588.200 | Phần kinh phí này do cơ quan quản lý thực hiện và thanh toán theo quy định |
| 1 | Chi họp thông qua đề cương, Hội nghị lấy ý kiến có liên quan | | | | 2.060.000 | |
| 1,1 | Chủ trì cuộc họp | cuộc | 2 | 130.000 | 260.000 | Điểm a, Khoản 1 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 1,2 | Các thành viên tham dự (15 người/cuộc họp) x 02 cuộc | người | 30 | 60.000 | 1.800.000 | Điểm b, Khoản 1 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 2 | Chi họp hội đồng thẩm định nội dung, dự toán kinh phí dự án xây dựng quy chuẩn địa phương | | | | 555.000 | |
| 2,1 | Chủ trì cuộc họp | người | 1 | 130.000 | 130.000 | Khoản 5 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 2,2 | Chi các thành viên tham dự | người | 5 | 85.000 | 425.000 | |

X.H.C.
SỞ
ĐANG THỰC
TRÀ

| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|-------------|----------|---------------------|-------------------|---|
| 3 | Chi nhận xét đánh giá phân biện hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng (02 báo cáo phân biện) | báo cáo | 2 | 425.000 | 850.000 | Khoản 4 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 4 | Chi gửi dự thảo lấy ý kiến, thông báo về việc lấy ý kiến dự thảo QCĐP trên trang điện tử, tạp chí, ấn phẩm chính thức của UBND tỉnh, Sở chuyên ngành | | | | 1.000.000 | Mức chi theo Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh |
| | Đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc Website của Sở Công Thương lấy ý kiến quy chuẩn kỹ thuật địa phương (02 kỳ đối với 01 QCĐP); | kỳ | 02 | 500.000 | 1.000.000 | Điểm a, Khoản 5 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 5 | Văn phòng phẩm, chi phí in ấn, photo tài liệu liên quan đến việc thực hiện công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động xây dựng QCĐP. | dự án | 01 | 1.000.000 | 1.000.000 | Chi theo thực tế |
| 6 | Tiền xăng xe và phụ cấp công tác phí cho các thành viên Ban soạn thảo QCĐP đi kiểm tra quá trình thực hiện : (02 chuyến x 02 người) | Người/ ngày | 04 | 80.800 | 323.200 | Chi thực tế theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 28/9/2010 |
| 7 | Chi soạn thảo Quyết định trình UBND tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: "Quy trình sản xuất và sản phẩm hủ tiếu" | | | | 3.500.000 | |
| 7,1 | Chi soạn thảo Quyết định trình UBND tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: "Quy trình sản xuất và sản phẩm hủ tiếu" | văn bản | 01 | 3.000.000 | 3.000.000 | Chi theo Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/03/2012 |

| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|------------------------------------|---|---------|----------|------------------------|----------------------|--|
| 7,2 | Chi thẩm định hồ sơ soạn thảo Quyết định trình UBND tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: "Quy trình sản xuất và sản phẩm hủ tiếu" | văn bản | 01 | 500.000 | 500.000 | |
| 8 | Nước uống các cuộc họp Ban soạn thảo | người | 30 | 10.000 | 300.000 | Chi theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 28/9/2010 |
| 9 | Chi in ấn tài liệu QCKTĐP sau khi ban hành để phục vụ công tác cấp phát tuyên truyền | bộ | 50 | 20.000 | 1.000.000 | Chi theo QĐ số: 1576/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 ban hành quy định về định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Trà Vinh |
| Tổng kinh phí (phần I + II) | | | | | 87.000.000 | |

Bằng chữ: Tám mươi bảy triệu đồng./.

DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG

1. Tên gọi quy chuẩn kỹ thuật

Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm Bánh tráng Bến Cỏ.

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Phạm vi điều chỉnh: Quy chuẩn này quy định Quy trình sản xuất và sản phẩm phù hợp các quy định về an toàn thực phẩm đối với sản phẩm Bánh tráng Bến Cỏ được chế biến bằng phương pháp bán thủ công tại các tổ chức, cá nhân sản xuất bánh tráng tại ấp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa huyện Châu Thành.

- Đối tượng áp dụng: Quy chuẩn này áp dụng cho các các tổ chức, cá nhân (gọi chung là cơ sở sản xuất) tham gia trực tiếp sản xuất bánh tráng tại ấp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ: số 02, đường Lý Tự Trọng, Phường 1, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: (074) 3 852594; Fax: (074) 3852854; E-mail:

Tên cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

4. Tình hình quản lý đối tượng quy chuẩn kỹ thuật địa phương hoặc đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng tại địa phương

- Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật là:

+ Sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù của địa phương

+ Yêu cầu cụ thể về môi trường tại địa phương

- Tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý đối tượng trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật dự kiến ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Bộ Công Thương.

- Tình hình quản lý cụ thể đối tượng quy chuẩn kỹ thuật:

Hiện nay, tại ấp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh có khoảng trên 30 hộ sản xuất. Sản phẩm tuy khá nổi tiếng được đánh giá cao về mặt cảm quan, nhưng nhìn chung các cơ sở sản xuất bánh tráng với qui mô nhỏ, chủ yếu sản xuất bằng thủ công cho năng suất thấp và chất lượng không ổn định, phần lớn các cơ sở, hộ sản xuất chưa có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện về an toàn thực phẩm do thiết bị, nhà xưởng sản xuất chưa đảm bảo theo qui định. Bên cạnh đó, một số cơ sở sản xuất có sản phẩm bánh tráng lưu hành trên thị trường nhưng chưa đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, ảnh hưởng sức khỏe người tiêu dùng.

Nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm bánh tráng Bến Cỏ để xây dựng thương hiệu Bánh tráng Bến Cỏ, đồng thời tổ chức, sắp xếp lại cơ sở sản xuất để công tác quản lý nhà nước đạt hiệu quả. Từ thực tế trên cho thấy, việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương : Quy trình sản xuất và sản phẩm bánh tráng Bến Cỏ là rất

cần thiết. Quy chuẩn này sẽ giúp các tổ chức, cá nhân sản xuất bánh tráng nâng cao nhận thức, tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm trong hoạt động sản xuất bánh tráng, góp phần xây dựng thương hiệu cho sản phẩm bánh tráng Bến Cỏ.

5. Lý do và mục đích xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Quy chuẩn kỹ thuật nhằm đáp ứng những mục tiêu quản lý nào dưới đây:

- + Đảm bảo an toàn + Bảo vệ động, thực vật
- + Đảm bảo vệ sinh, sức khoẻ + Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
- + Bảo vệ môi trường + Các mục tiêu quản lý khác (*ghi rõ mục tiêu quản lý*): kiểm soát các chỉ tiêu an toàn thực phẩm trong sản phẩm bánh tráng Bến Cỏ
- + Bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia

- QCVN dùng để chứng nhận hoặc công bố hợp quy

- Căn cứ về nội dung quản lý nhà nước có liên quan:

+ Trích dẫn tên gọi, số chỉ thị, văn bản có liên quan đến yêu cầu quản lý nêu trên

+ Yêu cầu hài hoà trong khuôn khổ hợp tác quốc tế và khu vực

+ Các yêu cầu quản lý khác:

6. Loại quy chuẩn kỹ thuật

- + Quy chuẩn kỹ thuật chung
- + Quy chuẩn kỹ thuật an toàn
- + Quy chuẩn kỹ thuật môi trường
- + Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình
- + Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ

7. Những vấn đề sẽ quy định trong quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Những vấn đề sẽ quy định (hoặc sửa đổi, bổ sung):

- + Yêu cầu về thái (nước thái, khí thái, chất thái rắn)
- + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm, hàng hóa đặc thù
- + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, bảo trì sản phẩm, hàng hóa đặc thù
- + An toàn trong dịch vụ môi trường
- + An toàn, vệ sinh trong các lĩnh vực khác thuộc lĩnh vực được phân công (liệt kê ở dưới)

- Bộ cục, nội dung các phần chính của quy chuẩn kỹ thuật dự kiến:

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

1.2. Đối tượng áp dụng

1.3. Giải thích từ ngữ

1.4. Từ viết tắt

2. QUY TRÌNH SẢN XUẤT

2.1. Sơ đồ quy trình sản xuất

2.2. Thuyết minh quy trình sản xuất

3. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

3.1. Chỉ tiêu vi sinh

3.2. Chỉ tiêu hóa lý

3.3. Chỉ tiêu vật lý

3.4. Chỉ tiêu cảm quan

4. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4.1. Công bố hợp quy

4.2. Kiểm tra, giám sát và xử lý đối với sản xuất bánh tráng Bền Có.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về tổ chức phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chuẩn này.

6.2. Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân kiến nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.

- Nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế: có không

Dự kiến khảo nghiệm các chỉ tiêu cho phép trong quá trình sản xuất bánh tráng tại ấp Bền Có, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

6. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

+ Xây dựng QCVN trên cơ sở tiêu chuẩn

+ Xây dựng QCVN trên cơ sở tham khảo tài liệu, dữ liệu khác

+ Xây dựng QCVN kết hợp cả tiêu chuẩn và tham khảo các tài liệu, dữ liệu

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật:

+ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

+ Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

+ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

+ Thông tư số 09/2007/TT-BKHHCN ngày 06/04/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về nhãn hàng hoá;

+ Thông tư số 23/2007/TT-BKHHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

+ Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 09/11/2012 của Bộ Y Tế hướng dẫn việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm;

+ Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

+ Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 10/9/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định về định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật tỉnh Trà Vinh;

7. Kiến nghị ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Cơ quan, tổ chức biên soạn QCDP: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh là cơ quan chủ trì biên soạn QCDP

- Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh thành lập Tổ soạn thảo QCDP để tổ chức hoạt động biên soạn. Dự kiến Tổ soạn thảo QCDP có 8 thành viên gồm: 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 06 thành viên phụ trách biên soạn.

8. Cơ quan phối hợp xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, ...

- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: Bộ Công Thương.

- Dự kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Trà Vinh, Phòng KT-HT các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố Trà Vinh và đại diện một số hộ, cơ sở sản xuất bánh tráng tại ấp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành.

9. Nội dung thực hiện

- Xây dựng dự thảo đề cương, dự toán quy chuẩn kỹ thuật địa phương;

- Hợp thông qua đề cương, dự toán dự thảo QCKTDP;

- Tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đánh giá (các hộ sản xuất bánh tráng) để phục vụ xây dựng QCKTDP (số lượng điều tra dự kiến: 30 hộ, chỉ tiêu điều tra: dưới 30 chỉ tiêu);

- Báo cáo hiện trạng kết quả điều tra khảo sát;

- Lấy mẫu bánh tráng để kiểm nghiệm, phân tích (10 mẫu);

- Báo cáo đánh giá kết quả phân tích mẫu;

- Xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm bánh tráng Bến Cỏ;

- Tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKTĐP (các hộ sản xuất bánh tráng, số lượng: 02 cuộc;
- Xây dựng báo cáo tiếp thu ý kiến đóng góp QCKTĐP;
- Hoàn chỉnh dự thảo QCKTĐP (lần 1);
- Lấy ý kiến của cơ quan, ban ngành, địa phương có liên quan và các thành viên trong Ban soạn thảo và đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKTĐP;
- Lấy ý kiến của Bộ Công Thương,
- Hoàn chỉnh dự thảo QCKTĐP (lần 2);
- Tổ chức hội nghị chuyên đề;
- Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCKTĐP trình duyệt;
- Gửi thẩm định hồ sơ dự thảo QCKTĐP;
- Hoàn chỉnh dự thảo và trình ban hành QCKTĐP.

10. Dự kiến tiến độ thực hiện

| TT | Nội dung công việc | Thời gian | |
|----|---|-----------------------|----------|
| | | Bắt đầu | Kết thúc |
| 1 | Xây dựng dự thảo đề cương, dự toán quy chuẩn kỹ thuật địa phương | Tháng 01/2019 | |
| 2 | Hợp thông qua đề cương, dự toán dự thảo QCKTĐP và hoàn chỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt | Từ tháng 02 - 03/2019 | |
| 3 | Tổ chức điều tra, khảo sát, khảo nghiệm đánh giá (các hộ sản xuất bánh tráng để phục vụ xây dựng QCKTĐP | Từ tháng 04 - 07/2019 | |
| 4 | Lấy mẫu bánh tráng để kiểm nghiệm, phân tích | | |
| 5 | Xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm bánh tráng Bến Cỏ; | | |
| 7 | Tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKTĐP (các hộ sản xuất bánh tráng) | | |
| 8 | Xây dựng báo cáo tiếp thu ý kiến đóng góp QCKTĐP | | |
| 9 | Hoàn chỉnh dự thảo QCKTĐP (lần 1) | Tháng 08/2019 | |
| 10 | Tổ chức lấy ý kiến của Bộ Công Thương, cơ quan, ban ngành, địa phương có liên quan, các thành viên trong Ban soạn thảo và đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKTĐP (có đăng trên Báo Trà Vinh và Trang điện tử của UBND tỉnh) | | |

| | | | |
|----|--|---------------|------------|
| 11 | Hoàn chỉnh dự thảo QCĐP (lần 2) | Tháng 09/2019 | |
| 12 | Tổ chức Hội nghị chuyên đề | 01/10/2019 | 15/10/2019 |
| 13 | Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCĐP trình duyệt | Tháng 11/2019 | |
| 14 | Gửi thẩm định hồ sơ dự thảo QCĐP | 01/12/2019 | 10/12/2019 |
| 15 | Hoàn chỉnh dự thảo và trình Ban hành QCĐP | 11/12/2019 | 31/12/2019 |

11. Dự toán kinh phí thực hiện

a. Tổng kinh phí dự kiến: 86.870.000 đồng (Tám mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi triệu đồng).

Trong đó:

- Ngân sách Nhà nước: 100%
- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân: 0%
- Nguồn khác: 0%

b. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện: (theo hướng dẫn của Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng)./.

Trà Vinh, ngày 30 tháng 5 năm 2017

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị dự án QCĐP

Ký tên, đóng dấu (nếu có) *Mh*



Trần Quốc Tuấn

BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG DỰ ÁN QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG
Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Quy trình sản xuất và sản phẩm Bánh tráng Bến C6

(Đính kèm Công văn số 92/SCT-QLCN ngày 05 tháng 5 năm 2017)

Đơn vị: đồng

| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|----|---|--------------|----------|---------------------|-------------------|---|
| I | Nội dung chi trực tiếp cho việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương | | | | 76.325.000 | Mức chi theo Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 Ban hành quy định về định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Trà Vinh |
| 1 | Chi lập dự án xây dựng QCĐP trình cấp thẩm quyền phê duyệt | Dự án | 01 | 600.000 | 600.000 | Khoản 1 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 2 | Chi thuê chuyên gia xây dựng dự thảo QCĐP cần khảo sát, khảo nghiệm (chi tiết số lượng thuê cán bộ, số tháng thực hiện, xác nhận cơ quan) | dự án | 01 | 25.500.000 | 25.500.000 | Điểm b, Khoản 2 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 3 | Chi thuê đơn vị tư vấn (Đơn vị tư vấn thực hiện 03 tháng; chi tiết số lượng thuê cán bộ, số tháng thực hiện, xác nhận cơ quan) | Tháng | 03 | 4.100.000 | 12.300.000 | Khoản 3 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 4 | Xăng xe và phụ cấp công tác phí đi thực hiện nghiên cứu chuyên đề: điều tra, khảo sát, đánh giá.....phục vụ công tác xây dựng QCKTĐP : (06 ngày x 70.000 đồng/người x 02 người) | Ngày/n người | 12 | 70.000 | 840.000 | Mức chi thực tế theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 28/9/2010; - Số lượng điều tra : 30 hộ (01 ngày/05 hộ/02 người) |
| 5 | Chi kiểm nghiệm, phân tích mẫu bánh tráng (10 mẫu x 3.000.000 đồng). | Mẫu | 10 | 3.000.000 | 30.000.000 | Theo giá thực tế |



| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|------------|----------|---------------------|-------------------|---|
| 6 | Tổ chức họp lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKT (các hộ sản xuất bánh tráng), cán bộ quản lý ở địa phương: 01 cuộc x 50 người/cuộc | | | | 4.510.000 | |
| 6,1 | Hỗ trợ tiền điện, chi phí giữ xe, dọn dẹp hội trường,... | cuộc | 01 | 300.000 | 300.000 | Mượn hội trường UBND xã |
| 6,2 | Băng rôn: 01 cuộc x 01 cái | Cái | 01 | 300.000 | 300.000 | |
| 6,3 | Thù lao chủ trì cuộc họp : (01 cuộc x 01 buổi) | buổi | 01 | 130.000 | 130.000 | Điểm a, Khoản 5 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 6,4 | Hỗ trợ đại biểu tham dự họp: (60.000 đồng/người x 50 người/cuộc) | người | 50 | 60.000 | 3.000.000 | Điểm b, Khoản 5 (Mục B), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 6,5 | Công tác phí cho cán bộ chủ trì và quản lý cuộc họp: (04 người x 70.000 đồng/ngày) | người/cuộc | 04 | 70.000 | 280.000 | |
| 6,6 | Tài liệu cho đại biểu dự họp | người | 50 | 10.000 | 500.000 | |
| 7 | Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản QCKT | | | | 1.100.000 | |
| 7,1 | Chi lập báo cáo tổng hợp và tiếp thu ý kiến đóng góp của đối tượng chịu tác động của QCKTĐP | báo cáo | 01 | 200.000 | 200.000 | |
| 7,2 | Chi lập báo cáo giải trình và tiếp thu ý kiến đóng góp | báo cáo | 01 | 300.000 | 300.000 | |
| 7,3 | Chi chỉnh lý hoàn thiện báo cáo tổng hợp quá trình xây dựng dự án QCKTĐP | lần | 01 | 150.000 | 150.000 | |
| 7,4 | Chi chỉnh lý hoàn thiện báo cáo Thuyết minh dự án QCKTĐP | lần | 01 | 150.000 | 150.000 | |

Chi theo Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính- Bộ Tư pháp

| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----------|---|---------|----------|---------------------|-------------------|---|
| 7,5 | Chi chính lý hoàn thiện nội dung dự thảo QCKTĐP | lần | 02 | 150.000 | 300.000 | |
| 8 | Chi văn phòng phẩm, in ấn, pho to tài liệu phục vụ dự án QCKTĐP: - Văn phòng phẩm: 1.475.000 đồng (Mực in: 700.000 đ; Giấy in: 04 gam x 70.000 đ/gam = 280.000 đ; Phô tô tài liệu: Thuyết minh và các loại báo cáo = 220.000 đ; Sơ mi, viết, ghim kẹp,... = | QC | 01 | 1.475.000 | 1.475.000 | Chi theo thực tế phát sinh |
| II | Hoạt động phục vụ công tác quản lý Quy chuẩn kỹ thuật địa phương | | | | 10.545.000 | Phần kinh phí này do cơ quan quản lý thực hiện và thanh toán theo quy định |
| 1 | Chi họp thông qua đề cương, Hội nghị lấy ý kiến có liên quan | | | | 2.060.000 | |
| 1,1 | Chủ trì cuộc họp | cuộc | 2 | 130.000 | 260.000 | Điểm a, Khoản 1 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 1,2 | Các thành viên tham dự (15 người/cuộc họp) x 02 cuộc | người | 30 | 60.000 | 1.800.000 | Điểm b, Khoản 1 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 2 | Chi họp hội đồng thẩm định nội dung, dự toán kinh phí dự án xây dựng quy chuẩn địa phương | | | | 555.000 | |
| 2,1 | Chủ trì cuộc họp | người | 1 | 130.000 | 130.000 | Khoản 5 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 2,2 | Chi các thành viên tham dự | người | 5 | 85.000 | 425.000 | |
| 3 | Chi nhận xét đánh giá phản biện hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng (02 báo cáo phản biện) | báo cáo | 2 | 425.000 | 850.000 | Khoản 4 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 4 | Chi gửi dự thảo lấy ý kiến, thông báo về việc lấy ý kiến dự thảo QCKTĐP trên trang điện tử, tạp chí, ấn phẩm chính thức của UBND tỉnh. Sở chuyên ngành | | | | 1.000.000 | Mức chi theo Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh |

X.H.C.N
SỞ
ĐNG THỦ
VH TR

| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|------------|----------|---------------------|-------------------|---|
| | <i>Đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc Website của Sở Công Thương lấy ý kiến quy chuẩn kỹ thuật địa phương (02 kỳ đối với 01 QCĐP);</i> | kỳ | 02 | 500.000 | 1.000.000 | Điểm a, Khoản 5 (Mục A), Điều 2 Quyết định 1576/QĐ-UBND |
| 5 | Văn phòng phẩm, chi phí in ấn, photo tài liệu liên quan đến việc thực hiện công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động xây dựng QCĐP. | dự án | 01 | 1.000.000 | 1.000.000 | Chi theo thực tế |
| 6 | Tiền xăng xe và phụ cấp công tác phí cho các thành viên Ban soạn thảo QCĐP đi kiểm tra quá trình thực hiện : (02 chuyến x 02 người) | Người/ngày | 04 | 70.000 | 280.000 | Chi thực tế theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 28/9/2010 |
| 7 | Chi soạn thảo Quyết định trình UBND tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: "Quy trình sản xuất và sản phẩm bánh trắng" | | | | 3.500.000 | Chi theo Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/03/2012 |
| 7,1 | <i>Chi soạn thảo Quyết định trình UBND tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: "Quy trình sản xuất và sản phẩm bánh trắng"</i> | văn bản | 01 | 3.000.000 | 3.000.000 | |
| 7,2 | <i>Chi thẩm định hồ sơ soạn thảo Quyết định trình UBND tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: "Quy trình sản xuất và sản phẩm bánh trắng"</i> | văn bản | 01 | 500.000 | 500.000 | |
| 8 | Nước uống các cuộc họp Ban soạn thảo | người | 30 | 10.000 | 300.000 | Chi theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 28/9/2010 |

| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Định mức (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|------------------------------------|--|-----|----------|------------------------|----------------------|---|
| 9 | Chi in ấn tài liệu QCKTĐP sau khi ban hành để phục vụ công tác cấp phát tuyên truyền | bộ | 50 | 20.000 | 1.000.000 | Chi theo QĐ số: 1576/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 ban hành quy định về định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Nghệ An |
| Tổng kinh phí (phần I + II) | | | | | 86.870.000 | |

Bằng chữ: Tám mươi sáu triệu tám trăm bảy chục nghìn đồng./.

MẪU DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG
(Ban hành kèm theo công văn số 353/SKHCN-CCTĐC ngày 9 tháng 5 năm 2017 của
Sở Khoa học và Công nghệ)

**DỰ ÁN
XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG**

1. Tên gọi quy chuẩn kỹ thuật: Kỹ thuật nuôi hàu trên sông nước lợ, mặn
2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Các cá nhân, tổ chức nuôi hàu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân: Chi cục Thủy sản

Địa chỉ: 272 Bạch Đằng, Phường 4, thành phố Trà Vinh

Điện thoại: 02943 852 514

Fax: 02943 754 530.

Email: chiecucthuysantravinh@gmail.com

Tên cơ quan chủ quản (nếu có): Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trà Vinh

4. Tình hình quản lý đối tượng quy chuẩn kỹ thuật địa phương hoặc đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng tại địa phương

- Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật là:

+ Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình đặc thù của địa phương

+ Yêu cầu cụ thể về môi trường tại địa phương

- Tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc chính phủ quản lý đối tượng trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật dự kiến ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương:

- Tình hình quản lý cụ thể đối tượng quy chuẩn kỹ thuật

5. Lý do và mục đích xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Quy chuẩn kỹ thuật nhằm đáp ứng những mục tiêu nào dưới đây:

+ Đảm bảo an toàn + Bảo vệ động, thực vật

+ Đảm bảo vệ sinh sức khỏe + Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

+ Bảo vệ môi trường + Các mục tiêu quản lý khác

+ Bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia (ghi rõ mục tiêu quản lý)

- Quy chuẩn Việt Nam dùng để chứng nhận hoặc công bố hợp quy

- Căn cứ về nội dung quản lý nhà nước có liên quan: Quản lý nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh về nuôi hàu trên sông ở vùng lợ, mặn

+ Trích dẫn tên gọi, số chỉ thị, văn bản có liên quan đến yêu cầu quản lý nêu trên

+ Yêu cầu hài hòa trong khuôn khổ hợp tác quốc tế và khu vực

+ Các yêu cầu quản lý khác

6. Loại quy chuẩn kỹ thuật

- + Quy chuẩn kỹ thuật chung
- + Quy chuẩn kỹ thuật an toàn
- + Quy chuẩn kỹ thuật môi trường
- + Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình
- + Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ

7. Những vấn đề sẽ quy định trong quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Những vấn đề sẽ quy định (hoặc sửa đổi, bổ sung):

- + Yêu cầu về thái (nước thái, khí thái, chất thái rắn)
- + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm, hàng hóa đặc thù
- + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, bảo vệ sản phẩm, hàng hóa đặc thù
- + An toàn trong dịch vụ môi trường
- + An toàn, vệ sinh trong các lĩnh vực khác thuộc lĩnh vực được phân công (an toàn giao thông đường thủy)

- Bố cục, nội dung các phần chính của quy chuẩn kỹ thuật dự kiến:

- Nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế: có không

(nếu có, ghi rõ dự kiến nội dung cần khảo nghiệm, quy mô, địa điểm, thời gian khảo nghiệm)

8. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- + Xây dựng QCVN trên cơ sở tiêu chuẩn
- + Xây dựng QCVN trên cơ sở tham khảo tài liệu, dữ liệu khác
- + Xây dựng QCVN trên cơ sở kết hợp cả tiêu chuẩn và tham khảo các tài liệu, dữ liệu

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật (bản sao kèm theo):

9. Kiến nghị ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Cơ quan, tổ chức biên soạn QCĐP

(Tên cơ quan tổ chức chủ trì biên soạn QCĐP: Chi cục Thủy sản Trà Vinh)

- Ban soạn thảo soạn thảo QCĐP

(dự kiến thành viên ban soạn thảo QCĐP: 6 người)

10. Cơ quan phối hợp xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật.

- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật (phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Duyên Hải và Thị xã Duyên Hải).

- Dự kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật (Sở Khoa học Công nghệ, Trung tâm Khuyến nông, phòng Nông nghiệp huyện Duyên Hải và Thị xã Duyên Hải, Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân huyện,...).

11. Dự kiến tiến độ thực hiện

| TT | Nội dung công việc | Thời gian | |
|----|--|-----------|----------|
| | | Bắt đầu | Kết thúc |
| 1 | Chuẩn bị biên soạn dự thảo QCĐP | 1/2018 | 12/2019 |
| 2 | Biên soạn dự thảo QCĐP: - Lấy ý kiến chuyên gia - Khảo nghiệm dự thảo (nếu có) - Hoàn chỉnh dự thảo và lập hồ sơ dự thảo QCĐP | 1/2019 | |
| 3 | Tổ chức thông báo và lấy ý kiến rộng rãi | 6/2018 | 7/2019 |
| 4 | Tổ chức Hội nghị chuyên đề | | |
| 5 | Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCĐP trình duyệt | | 9/2019 |
| 6 | Thẩm định hồ sơ dự thảo QCĐP trình duyệt | 9/2018 | 10/2019 |
| 7 | Ban hành QCĐP | 10/2019 | |

12. Dự toán kinh phí thực hiện

a. Tổng kinh phí dự kiến: 200.000.000 đồng, trong đó:

- Ngân sách Nhà nước: 200.000.000 đồng.....

- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân:

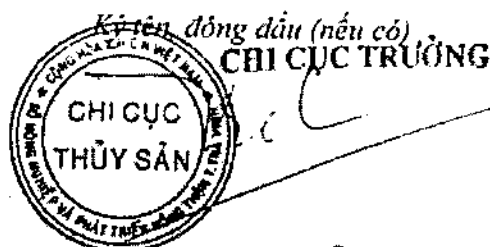
(ghi rõ của tổ chức cá nhân nào, nếu có)

- Nguồn khác:

b. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện: (Theo hướng dẫn của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

Trà Vinh, ngày 01 tháng 6 năm 2017

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị dự án QCĐP



Trần Văn Dũng

MẪU DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo công văn số 353/SKHCN-CCTĐC ngày 9 tháng 5 năm 2017 của Sở Khoa học và Công nghệ)

**DỰ ÁN
XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG**

1. Tên gọi quy chuẩn kỹ thuật: khai thác thủy sản bằng nghề Rập tròn
2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Các cá nhân, tổ chức khai thác thủy sản bằng nghề Rập tròn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân: Chi cục Thủy sản

Địa chỉ: 272 Bạch Đằng, Phường 4, thành phố Trà Vinh

Điện thoại: 02943 852 514

Fax: 02943 754 530.

Email: chicucthuy-san-travinh@gmail.com

Tên cơ quan chủ quản (nếu có): Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trà Vinh

4. Tình hình quản lý đối tượng quy chuẩn kỹ thuật địa phương hoặc đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng tại địa phương

- Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật là:

+ Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình đặc thù của địa phương

+ Yêu cầu cụ thể về môi trường tại địa phương

- Tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc chính phủ quản lý đối tượng trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật dự kiến ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tình hình quản lý cụ thể đối tượng quy chuẩn kỹ thuật

5. Lý do và mục đích xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Quy chuẩn kỹ thuật nhằm đáp ứng những mục tiêu nào dưới đây:

+ Đảm bảo an toàn + Bảo vệ động, thực vật

+ Đảm bảo vệ sinh sức khỏe + Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

+ Bảo vệ môi trường + Các mục tiêu quản lý khác

+ Bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia (ghi rõ mục tiêu quản lý)

- Quy chuẩn Việt Nam dùng để chứng nhận hoặc công bố hợp quy

- Căn cứ về nội dung quản lý nhà nước có liên quan: Quản lý khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

+ Trích dẫn tên gọi, số chỉ thị, văn bản có liên quan đến yêu cầu quản lý nêu trên

+ Yêu cầu hài hòa trong khuôn khổ hợp tác quốc tế và khu vực

+ Các yêu cầu quản lý khác

6. Loại quy chuẩn kỹ thuật

- + Quy chuẩn kỹ thuật chung
- + Quy chuẩn kỹ thuật an toàn
- + Quy chuẩn kỹ thuật môi trường
- + Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình
- + Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ

7. Những vấn đề sẽ quy định trong quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Những vấn đề sẽ quy định (hoặc sửa đổi, bổ sung):

- + Yêu cầu về thái (nước thải, khí thải, chất thải rắn)
- + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm, hàng hóa đặc thù
- + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, bảo vệ sản phẩm, hàng hóa đặc thù
- + An toàn trong dịch vụ môi trường
- + An toàn, vệ sinh trong các lĩnh vực khác thuộc lĩnh vực được phân công

(an toàn giao thông đường thủy)

- Bố cục, nội dung các phần chính của quy chuẩn kỹ thuật dự kiến;

- Nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế: có không
(nếu có, ghi rõ dự kiến nội dung cần khảo nghiệm, quy mô, địa điểm, thời gian khảo nghiệm)

8. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- + Xây dựng QCVN trên cơ sở tiêu chuẩn
- + Xây dựng QCVN trên cơ sở tham khảo tài liệu, dữ liệu khác
- + Xây dựng QCVN trên cơ sở kết hợp cả tiêu chuẩn và tham khảo các tài liệu, dữ liệu

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật (bản sao kèm theo):

9. Kiến nghị ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Cơ quan, tổ chức biên soạn QCĐP
(Tên cơ quan tổ chức chủ trì biên soạn QCĐP: Chi cục Thủy sản Trà Vinh)
- Ban soạn thảo soạn thảo QCĐP
(Dự kiến thành viên ban soạn thảo QCĐP: 6 người)

10. Cơ quan phối hợp xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật.

- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật (phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Châu Thành, Cầu Ngang).

- Dự kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật (Sở Khoa học Công nghệ, Trung tâm Khuyến nông Trà Vinh, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, huyện Cầu Ngang, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Châu Thành, Cầu Ngang, Ủy ban nhân dân các xã có thực hiện dự án, ...).

11. Dự kiến tiến độ thực hiện

| TT | Nội dung công việc | Thời gian | |
|----|--|-----------|----------|
| | | Bắt đầu | Kết thúc |
| 1 | Chuẩn bị biên soạn dự thảo QCDP | 7/2018 | 8/2018 |
| 2 | Biên soạn dự thảo QCDP: - Lấy ý kiến chuyên gia - Khảo nghiệm dự thảo (nếu có) - Hoàn chỉnh dự thảo và lập hồ sơ dự thảo QCDP | 8/2018 | 10/2018 |
| 3 | Tổ chức thông báo và lấy ý kiến rộng rãi | 11/2018 | 01/2019 |
| 4 | Tổ chức Hội nghị chuyên đề | 01/2019 | 3/2019 |
| 5 | Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCDP trình duyệt | 4/2019 | 6/2019 |
| 6 | Thẩm định hồ sơ dự thảo QCDP trình duyệt | 6/2019 | 8/2019 |
| 7 | Ban hành QCDP | 9/2019 | 10/2019 |

12. Dự toán kinh phí thực hiện

a. Tổng kinh phí dự kiến: 180.000.000 đồng, trong đó:

- Ngân sách Nhà nước: 180.000.000 đồng

- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân:

(ghi rõ của tổ chức cá nhân nào, nếu có)

- Nguồn khác:

b. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện: (Kèm theo phụ lục 1; Theo hướng dẫn của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

Trà Vinh, ngày 4 tháng 6 năm 2017

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị dự án QCDP

Ký tên, đóng dấu (nếu có)



CHỈ DẪN THỰC HIỆN

Trần Văn Ngọc

Phụ lục 1

DỰ TRÙ KINH PHÍ XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT KHAI THÁC THỦY SẢN BẰNG NGHỀ RÁP TRÒN.

| TT | Nội dung công việc | Thời gian | | Kinh phí (triệu đồng) | | Ghi chú |
|----|--|---------------|---------------|-----------------------|-----------|---------|
| | | Bắt đầu | Kết thúc | Năm 2018 | Năm 2019 | |
| 1 | Chuẩn bị biên soạn dự thảo QCĐP | tháng 7/2018 | tháng 8/2018 | 15 | | |
| 2 | Biên soạn dự thảo QCĐP: | tháng 8/2018 | tháng 10/2018 | 40 | | |
| | - Lấy ý kiến chuyên gia | | | | | |
| | - Khảo nghiệm dự thảo (nếu có) | | | | | |
| | - Hoàn chỉnh dự thảo và lập hồ sơ dự thảo QCĐP | | | | | |
| 3 | Tổ chức thông báo và lấy ý kiến rộng rãi | tháng 11/2018 | tháng 01/2019 | 35 | | |
| 4 | Tổ chức Hội nghị chuyên đề | tháng 01/2019 | tháng 3/2019 | 40 | | |
| 5 | Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCĐP trình duyệt | tháng 4/2019 | tháng 6/2019 | 15 | | |
| 6 | Thẩm định hồ sơ dự thảo QCĐP trình duyệt | tháng 6/2019 | tháng 8/2019 | | 25 | |
| 7 | Ban hành QCĐP | tháng 9/2019 | tháng 10/2019 | | 10 | |
| | Tổng cộng : 180 triệu | | | 145 | 35 | |